

**QUÁ TRÌNH TÍCH LŨY CỦA CHỈ SỐ
CÒN TIẾP DIỄN**











Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động tăng điểm tích cực trong phiên giao dịch hôm qua. Chỉ số Dow Jones tăng 216,96 điểm (+0,64%), chỉ số NASDAQ tăng 69,43 điểm (+0,64%) và chỉ số S&P 500 tăng 13,56 điểm (+0,34%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều tăng điểm cùng với xu hướng tăng của thị trường sau khi Mỹ công bố những tin tích cực về CPI trong tháng 1.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến tăng điểm nhẹ trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) tăng 69,06 điểm (+0,89%), CAC 40 (Pháp) tăng 51,49 điểm (+0,74%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI và Brent tăng lần lượt là 1,27% và 1,65% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như vàng, bạc, lúa mì tăng điểm nhẹ.
- Lệnh cấm của EU về mua, nhập khẩu, vận chuyển dầu thô của Nga có thể khiến Nga thiệt hại 300 triệu USD/ngày.
- Bộ Lao động Mỹ công bố chỉ số giá tiêu dùng(CPI) tháng 12/2022 tăng với 6,5% so với cùng kỳ 2021, hạ nhiệt từ mức 7,1% trong tháng 11.

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch tăng điểm nhẹ trong phiên giao dịch hôm qua, mặc dù sự giằng co diễn ra trong suốt cả phiên, tuy nhiên phiên ATC đã giúp chỉ số Vnindex đóng cửa ở điểm số tích cực. Kết thúc phiên, Vnindex tăng 0,63 điểm, đóng cửa tại 1056,39 điểm, giá trị giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành đều biến động nhẹ so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành tăng điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như dầu khí, các dịch vụ hạ tầng. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như PVD, POW, BSR.
- Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ với giá trị hơn 306,34 tỷ, tập trung mua các cổ phiếu như HPG, VHM, PVD. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia bán ròng nhẹ với 75,53 tỷ đồng.
- Ngày 12/01, Giá vàng trong nước biến động quanh mốc 67 triệu đồng/lượng, chênh lệch với giá vàng thế giới hơn 13 triệu đồng/lượng.
- Mỹ là quốc gia Xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam năm 2022 với 109,39 tỷ USD.

Doanh nghiệp

-  LAF: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phạt CTCP Chế biến hàng xuất khẩu Long An 210 triệu đồng vì sai phạm công bố thông tin công ty.
-  HPX: Chủ tịch Hải Phát Invest Đỗ Quý Hải bị bán giải chấp gần 4 triệu cổ phiếu HPX tại vùng đáy.
-  VOC: CTCP Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam dự thu hơn 2.100 tỷ khi thoái vốn tại Công ty TNHH Calofic.
-  HAH: CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An ước lãi kỷ lục năm 2022 với lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 827 tỷ đồng.
-  BAF: CTCP Siba Holdings đã mua vào thành công 4,53 triệu cổ phiếu CTCP Thức ăn chăn nuôi Tây Ninh.
-  SNZ: Năm 2022, Tổng CTCP Phát triển Khu công nghiệp nộp ngân sách 666 tỷ đồng.
-  MVB: Năm 2022, Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV đạt doanh thu vượt 14% kế hoạch với 5.473 tỷ đồng, lợi nhuận gần 336 tỷ đồng.
-  BSR: Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn lãi 12.200 tỷ đồng năm 2022, nộp ngân sách Nhà nước khoảng 18.300 tỷ đồng.
-  HAS: Cục Thuế TP. Hà Nội quyết định xử phạt hơn 2 tỷ đồng đối với CTCP Hacisco về vi phạm hành chính về thuế.
-  CMX: CTCP Camimex Group dự kiến phát hành thêm khoảng 300 tỷ đồng trái phiếu cho nhà đầu tư.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	13/01/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.056,39	0,06%	0,05%	0,85%	4,90%
HNX30 INDEX	355,19	0,55%	-0,31%	-2,91%	7,28%
VN30 INDEX	1.066,24	0,10%	0,41%	0,93%	6,07%
S&P 500	3.983,17	0,34%	4,60%	-0,19%	3,74%
Dow Jones	34.189,97	0,64%	3,83%	0,54%	3,15%
Nasdaq	11.001,10	0,64%	6,75%	-1,28%	5,11%
Shanghai Composite	3.163,45	0,05%	0,26%	-0,41%	2,40%
Nikkei 225	26.342,59	-0,41%	2,02%	-5,77%	0,95%
Thailand SET	1.687,45	0,10%	1,42%	3,78%	1,13%
Malaysia	1.488,66	0,05%	0,55%	1,26%	-0,46%
Philippine	6.833,53	1,85%	1,07%	3,82%	4,07%
Indonesia JCI	6.629,93	0,69%	-0,36%	-2,65%	-3,22%
FTSE 100	7.794,04	0,89%	2,10%	3,88%	4,59%
DAX	15.058,30	0,74%	4,31%	3,87%	8,15%
CAC 40	6.975,68	0,74%	3,17%	3,42%	7,75%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
L10	21.550	400	6,95%
ILB	27.800	23.600	6,92%
ANV	29.400	2.568.900	6,91%
VDP	38.000	2.000	6,89%
PVD	20.200	10.071.900	6,88%
STK	29.600	163.700	6,86%
BTT	32.150	300	6,81%
VTB	15.500	100	6,53%
IDI	13.150	7.855.800	6,05%
VNL	21.400	800	5,94%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
VHL	21.800	300	9,55%
PVC	15.000	4.336.566	9,49%
KKC	8.300	300	9,21%
VTZ	7.600	200	8,57%
SMT	7.600	44.100	8,57%
CLM	62.300	200	8,35%
SHN	9.200	100	8,24%
PPY	7.900	1.700	8,22%
VKC	1.700	40.110	6,25%
KSQ	1.800	291.800	5,88%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
NAV	19.400	200	-6,95%
NVT	7.450	70.700	-6,88%
TNC	63.700	2.200	-6,87%
LGL	3.700	315.600	-6,80%
IBC	3.570	421.300	-6,79%
EMC	11.900	500	-6,67%
HTL	15.900	2.300	-6,47%
THI	19.500	600	-6,25%
PJT	8.720	100	-6,24%
SPM	13.100	100	-6,09%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SAF	54.900	200	-10,00%
ALT	15.300	100	-10,00%
VMS	17.100	268.200	-10,00%
TV3	18.200	700	-9,90%
PCE	21.000	100	-9,87%
KHS	13.800	200	-9,80%
TSB	29.500	101.409	-9,79%
CX8	6.500	300	-9,72%
VTH	7.700	600	-9,41%
DHP	11.000	100	-9,09%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HPG	81.408	MSN	11.819
2	VHM	35.823	DPM	9.212
3	PVD	33.704	PVT	9.169
4	FUEVFN30	22.728	DCM	8.709
5	VIC	22.607	VCB	8.179
6	VNM	19.111	BCM	7.895
7	GAS	16.962	NT2	4.884
8	CTG	14.629	NVL	3.869
9	E1VFN30	14.625	KDC	3.631
10	VRE	13.242	DGC	3.579

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	12.333	ONE	13
2	TNG	1.414	VHL	2
3	SHS	933	BTS	2
4	HUT	852	NDN	1
5	PVS	805	TVC	0
6	BVS	600	VGS	0
7	PVB	251	PCH	0
8	VNR	103	HMR	0
9	CEO	81	VTZ	0
10	THD	57	API	0

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	13/01/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	78,39	1,27%	6,24%	3,95%	-2,35%
Oil Brent	USD/bbl.	84,03	1,65%	6,79%	7,74%	-2,19%
Thép thanh	CNY/MT	4.126,00	-0,24%	1,43%	5,04%	1,00%
Nhôm	USD/MT	2.516,25	1,49%	13,07%	5,74%	7,10%
Đồng	USd/lb.	419,65	0,73%	6,78%	8,69%	9,59%
Than	USD/MT	377,50	2,03%	-5,03%	-5,68%	-6,59%
Đường	USd/lb.	19,59	-0,31%	1,29%	1,08%	-2,25%
Ngô	USd/bu.	671,00	2,29%	2,80%	4,64%	-1,11%
Gas	USD/MMBtu	3,70	0,65%	-0,81%	-46,94%	-17,77%
Sữa	USD/cwt	19,52	-0,31%	1,09%	-4,78%	-4,64%
Vàng	USD/t oz.	1.898,80	1,06%	1,71%	4,17%	4,13%
Bạc	USD/t oz.	24,00	2,23%	-0,03%	-0,06%	-0,27%
Lúa Mỳ	USd/bu.	742,75	0,37%	-0,54%	-1,59%	-6,22%
Thịt lợn	USd/lb.	78,75	-0,69%	-4,57%	-3,90%	-10,21%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.191,00	0,12%	1,70%	2,17%	1,06%

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!